

Số: /TTr-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO LẦN 1

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết “Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hà Nội”

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Thủ đô năm 2024; Công văn số 39/HĐND-VP, ngày 15/02/2017 của HĐND Thành phố về việc thực hiện quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố.

Nhằm cụ thể hóa quy định tại khoản 1, Điều 33 Luật Thủ đô về “*quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (UBND Thành phố) đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố (HĐND Thành phố) xem xét ban hành Nghị quyết “*Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hà Nội*”, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý xây dựng Nghị quyết

1.1. Căn cứ chung

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025.
- Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024;
- Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 25/6/2025.
- Luật Thủ đô ban hành ngày 28/6/2024;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Nghị định số 106/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
- Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.
- Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

1.2. Căn cứ cụ thể

a) Quy định về thẩm quyền xử phạt

- Điều 5 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND các cấp đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong đó:

+ Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 4 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (25.000.000 đồng);

+ Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thẩm quyền phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 4 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (50.000.000 đồng);

- Điều 6 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực, trong đó tại khoản 2, Điều 6 quy định: Giám đốc Sở có quyền phạt tiền đến 80% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 4 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (40.000.000 đồng);

- Điều 8 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, trong đó:

+ Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 4 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (5.000.000 đồng);

+ Đội trưởng có quyền phạt tiền đến 30% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 4 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (15.000.000 đồng);

+ Trưởng Công an cấp xã có quyền phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 4 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (25.000.000 đồng);

+ Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền phạt tiền đến 80% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng

quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 4 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (40.000.000 đồng);

+ Giám đốc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 4 Nghị định 106/2025/NĐ-CP (50.000.000 đồng);

b) Quy định về mức phạt tiền tối đa, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính

Khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 1, Điều 4 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP quy định mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng.

c) Quy định về các hành vi và mức phạt tiền đối với các vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH

Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy được quy định tại Chương II Nghị định số 106/2025/NĐ-CP gồm 23 Điều, từ Điều 6 đến Điều 28 với 162 hành vi, trong đó:

- Mức phạt tiền thấp nhất là 300.000 đồng đối với cá nhân, 600.000 đồng đối với tổ chức;

- Mức phạt tiền cao nhất là 50.000.000 đồng đối với cá nhân, 100.000.000 đồng đối với tổ chức.

2. Cơ sở thực tiễn công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy

2.1. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy và chữa cháy

Thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (viết gọn là PCCC và CNCH), trong thời gian qua UBND Thành phố đã chỉ đạo lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH, các đơn vị chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về PCCC trên địa bàn, kiên quyết xử lý đối với các công trình, cơ sở vi phạm về PCCC. Kết quả từ năm 2022 đến nay, các đơn vị của Thành phố tổ chức kiểm tra an toàn PCCC tổng cộng đối với **220.246** lượt cơ sở, phát hiện và kiến nghị khắc phục **273.649** tồn tại, vi phạm về PCCC, phát hiện **15.634** hành vi vi phạm, xử phạt 7.159 tổ chức, 7.930 cá nhân, phạt tiền trên **159** tỷ đồng, tạm đình chỉ, đình chỉ **4.412** lượt cơ sở (trong đó: Năm 2022: Phát hiện, xử lý 7.824 trường hợp vi phạm hành chính về PCCC và CNCH; xử phạt 4.299 tổ chức, 2.980 cá nhân vi phạm; số tiền phạt khoảng 82 tỷ 600 triệu đồng; Năm 2023: Phát hiện, xử lý 2.929 trường hợp vi phạm hành chính về PCCC và CNCH; xử phạt 1.274 tổ chức, 1.656 cá nhân vi phạm; số tiền phạt khoảng 40 tỷ 800 triệu đồng; Năm 2024: Phát hiện, xử lý 4.881 trường hợp vi phạm hành chính về PCCC và CNCH; xử phạt 1.586 tổ chức, 3.294 cá nhân vi phạm; số tiền phạt khoảng 35 tỷ 600 triệu đồng).

Qua công tác thanh tra, kiểm tra nhận thấy vi phạm về PCCC tập trung chủ yếu ở các hành vi: Không tổ chức thực hiện văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền; Thi công, lắp đặt không đúng theo thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt;

Không trình hồ sơ để thẩm duyệt lại khi cải tạo, mở rộng, thay đổi tính chất sử dụng nhà, công trình trong quá trình thi công, sử dụng; Tổ chức thi công, xây dựng công trình thuộc diện phải thẩm duyệt về PCCC khi chưa có giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC; Đưa nhà, công trình vào hoạt động, sử dụng khi chưa tổ chức nghiệm thu về PCCC...

Bên cạnh các biện pháp xử lý về hành chính, Thành phố đăng tải công khai danh tính công trình, tên chủ đầu tư vi phạm PCCC lên các trang thông tin điện tử, thông báo Sở Kế hoạch và đầu tư để xem xét, không duyệt chủ trương đầu tư tiếp theo, đồng thời chỉ đạo đồng bộ các đơn vị (trong đó có cả các đơn vị cung cấp điện, cung cấp nước) để kiểm tra và xử lý triệt để theo quy định pháp luật chuyên ngành; giao chính quyền địa phương sở tại giám sát việc chấp hành quyết định của cơ sở. Đối với các công trình vi phạm nghiêm trọng, có thái độ chây ì, cố tình không khắc phục, Cơ quan QLNN về PCCC và CNCH chuyển hồ sơ vụ vi phạm để Cơ quan Cảnh sát điều tra nghiên cứu, xem xét xử lý hình sự theo quy định, trong đó đã có một số trường hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra CATP đã quyết định khởi tố vụ án hình sự theo quy định.

2.2. Nhận xét

a) Ưu điểm:

- Nghị định số 106/2025/NĐ-CP là cơ sở pháp lý quan trọng, đã thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và địa phương về ý nghĩa, vai trò của công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác này và triển khai, thực hiện nghiêm túc, đạt được kết quả đáng khích lệ, tạo sự chuyển biến rõ rệt trên cả ba phương diện: quản lý nhà nước, đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, lực lượng Công an đã phát huy được vai trò nòng cốt trong công tác tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện.

- Các quy định về xử lý vi phạm hành chính với chế tài xử phạt rõ ràng, nghiêm khắc, việc xử lý nghiêm minh của các cơ quan có thẩm quyền trong thời gian vừa qua đã tác động tích cực đến nhận thức, ý thức của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, dẫn đến các vi phạm quy định về PCCC của cá nhân, tổ chức có xu hướng giảm dần; việc tự nguyện chấp hành các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói riêng, các quy định của pháp luật Nhà nước nói chung của các cá nhân, tổ chức ngày càng được thực hiện nghiêm túc.

b) Hạn chế

Mặc dù công tác xử lý vi phạm về PCCC đã được các cấp có thẩm quyền thực hiện quyết liệt, tuy nhiên theo quy định hiện nay, mức xử phạt trong lĩnh vực PCCC và CNCH quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP mặc dù đã được nâng lên so với Nghị định 144/2021/NĐ-CP, tuy nhiên vẫn còn thấp, chưa đủ sức răn đe, nhất là đối với những hành vi vi phạm quy định về PCCC trong đầu tư, xây dựng dẫn đến còn tình trạng các vi phạm về PCCC và CNCH kéo dài, chưa được xử lý, giải quyết triệt để.

Thực tế cho thấy, nhiều hành vi vi phạm hành chính về PCCC đã được lực lượng chức năng phát hiện, kiểm tra, kiến nghị và xử phạt theo quy định. Tuy nhiên chủ cơ sở vì chạy theo lợi ích kinh tế, chấp nhận nộp phạt để tiếp tục vi phạm, không triệt để khắc phục các vi phạm về PCCC.

c) Nguyên nhân

So với mặt bằng chung cả nước, đời sống kinh tế của người dân cũng như tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố có chiều hướng phát triển tốt, do đó, với mức xử phạt như quy định hiện nay tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP còn thấp, hiệu quả của việc xử phạt không cao, quyết định hành chính chưa có tính răn đe, phòng ngừa chung.

Hành lang pháp lý về xử phạt vi phạm hành chính về PCCC còn có quy định chưa phù hợp với khả năng khắc phục của các hành vi; quy định về biện pháp bảo đảm thi hành quyết định, việc buộc thi hành tạm đình chỉ, đình chỉ còn chưa được quy định cụ thể; khi áp dụng các biện pháp xử lý khác còn cần phụ thuộc vào tình hình thực tế của từng công trình và những yếu tố liên quan (an sinh, dân sinh, quyền, lợi ích chính đáng của những người có liên quan).

3. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (*căn cứ về thẩm quyền ban hành Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh tại khoản 1 Điều 21*).

Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, các văn bản dưới luật cần được xây dựng để đảm bảo triển khai thi hành.

Căn cứ các quy định nêu trên và thực tiễn công tác xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thành phố, việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố Nghị quyết “*Quy ban hành Nghị quyết quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hà Nội*” là cần thiết và đảm bảo đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Cụ thể hóa, quy định chi tiết các nội dung được Luật Thủ đô giao thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy do Chính phủ quy định.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
- Kịp thời quy định chi tiết các nội dung được Luật Thủ đô giao Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm các quy định của Luật được cụ thể hóa đầy đủ và có tính khả thi.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy tại Nghị định số 106/2025/NĐ-

CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (sau đây viết tắt là Nghị định số 106/2025/NĐ-CP) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy không quy định trong Nghị quyết này thì áp dụng theo Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

c) Hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết này được áp dụng theo Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác;

b) Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị quyết này.

IV. NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Nguyên tắc áp dụng

a) Mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị quyết này cao hơn không quá 02 lần mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

b) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 4 Nghị quyết này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức tiền phạt của tổ chức gấp 02 (hai) lần mức tiền phạt đối với cá nhân.

2. Quy định về thẩm quyền xử phạt

Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết này.

3. Quy định các hành vi vi phạm hành chính áp dụng mức tiền phạt cao hơn quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP

Quy định 142 hành vi vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy được nâng mức tiền phạt cao hơn tối đa 02 lần mức tiền phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong Nghị định số 106/2025/NĐ-CP và không vượt quá mức tiền phạt tối đa quy định tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 106/2025/NĐ-CP, cụ thể:

(1) Các hành vi vi phạm quy định về tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 6): 04 hành vi;

(2) Các hành vi vi phạm quy định về ban hành, niêm yết nội quy, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 7): 04 hành vi;

(3) Các hành vi vi phạm quy định về thành lập quản lý Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành; phân công người thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa

cháy, cứu nạn, cứu hộ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 8): 07 hành vi;

(4) Các hành vi vi phạm quy định về hồ sơ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9): 02 hành vi;

(5) Các hành vi vi phạm quy định kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 10): 08 Hành vi;

(6) Các hành vi vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy trong sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 11): 04 hành vi;

(7) Các hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong lắp đặt, sử dụng điện (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 12): 04 hành vi;

(8) Các hành vi vi phạm quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong lắp đặt, kiểm tra, bảo trì hệ thống tiếp địa, chống sét (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 13): 05 hành vi;

(9) Các hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quản lý, bảo quản, sử dụng chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 14): 06 hành vi;

(10) Các hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong sản xuất, kinh doanh chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 15): 07 hành vi;

(11) Các hành vi vi phạm quy định trong vận chuyển chất, hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, Điều 16): 08 hành vi;

(12) Các hành vi vi phạm quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17): 04 hành vi;

(13) Các hành vi vi phạm quy định về thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 18): 04 hành vi;

(14) Các hành vi vi phạm về lưu thông phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy (quy định tại khoản 1 Điều 19): 01 hành vi;

(15) Vi phạm quy định về trang bị, lắp đặt phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 khoản 10 Điều 20): 10 hành vi;

(16) Các hành vi vi phạm quy định về sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 21): 08 hành vi;

(17) Các hành vi vi phạm quy định về bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 22): 07 hành vi;

(18) Các hành vi vi phạm quy định về thông gió, chống khói (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 23): 06 hành vi;

(19) Các hành vi vi phạm quy định về thoát nạn trong phòng cháy và chữa

cháy (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 24): 07 hành vi;

(20) Các hành vi vi phạm quy định về ngăn cháy lan (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 25): 08 hành vi;

(21) Vi phạm quy định về xây dựng, phê duyệt và thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 26): 09 hành vi;

(22) Các hành vi vi phạm quy định về hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy (quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 28): 09 hành vi.

4. Quy định chuyển tiếp

Đối với những hành vi vi phạm quy định tại Điều 4 Nghị quyết này xảy ra trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng mức tiền phạt quy định tại Nghị định số 106/2025/NĐ-CP.

5. Tổ chức thực hiện

a) Giao UBND Thành phố:

- Tổ chức triển khai và tổng kết thực hiện Nghị quyết.

- Trong trường hợp có sự điều chỉnh làm thay đổi các quy định về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy dẫn đến các nội dung Nghị quyết không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức nghiên cứu, xem xét trình Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

b) Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết này.

c) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức Chính trị - xã hội tuyên truyền vận động tạo sự đồng thuận trong nhân dân, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

V. DỰ KIẾN DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định của Chính phủ đã quy định cụ thể các chức danh có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy, do đó về cơ bản khi triển khai Nghị quyết sẽ thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.

V. DỰ KIẾN DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định của Chính phủ đã quy định cụ thể các chức danh có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy, chữa cháy, do đó về cơ bản khi triển khai Nghị quyết sẽ thống nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết dự kiến trình vào kỳ họp cuối năm 2025 (kỳ họp thứ 19) HĐND Thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết " Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hà Nội ".

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình này bao gồm: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý dự thảo; Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu các ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong thực hiện quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hà Nội; Các bản chụp ý kiến góp ý).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch TT UBND Thành phố:
Lê Hồng Sơn;
- Các Ban: PC, VHXH HĐND Thành phố;
- Các Sở: CA, TC, TP;
- VPUB: CVP, các PCVP, Phòng KGVX, TH, KT;
- Lưu: VT; NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Sơn